

XÁC ĐỊNH DIỆN MẠO THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT: TỪ GÓC NHÌN BẢN SẮC ĐÔ THỊ

DEFINING THE FACE OF BUON MA THUOT CITY: FROM THE
PERSPECTIVE OF URBAN IDENTITY

Đặng Hoàng Giang*

1. Đặt vấn đề

Trong các thập niên gần đây, song song với xu hướng hội nhập, liên kết giữa các vùng miền, quốc gia, khu vực thì vấn đề bản sắc địa phương cũng được thảo luận sôi nổi trên nhiều diễn đàn trong nước và quốc tế. Bản sắc địa phương được xem là cơ sở quan trọng tạo nên lợi thế so sánh giữa các vùng miền. Bởi lẽ đô thị là trung tâm của các địa phương hoặc tự thân nó đã là một loại địa phương đặc biệt nên các thảo luận về bản sắc địa phương không tách rời chủ đề bản sắc đô thị.

Ở Việt Nam, quá trình Đổi mới (Renovation) đã góp phần hồi sinh các đô thị cũ và tạo nên hàng trăm đô thị lớn nhỏ với nhiều hạng mục kiến trúc hiện đại nhưng dấu ấn riêng của các đô thị lại trở nên mờ nhạt hoặc biến mất (Phạm Thúy Loan, 2015). Các đô thị vùng cao cũng không phải là một ngoại lệ. Mặc dù được xây dựng trên các không gian địa lý - nhân văn tương đối đặc trưng, các đô thị vùng cao chưa thể hiện được dấu ấn độc đáo, riêng biệt. Nếu so sánh cảnh quan và kiến trúc của các đô thị vùng cao từ Bắc vào Nam, người quan sát sẽ có một cảm giác “na ná”, “hao hao”, “quen quen”. Chẳng hạn, ngoài sự sai biệt về quy mô, thật khó nhận ra sự khác nhau giữa thành phố Lạng Sơn (vùng Đông Bắc Bộ) với các đô thị Kon Tum, Pleiku hay Gia Nghĩa (Tây Nguyên). Có thể nói, làm thế nào để định hình bản sắc của các đô thị đang thực sự là câu hỏi lớn đặt ra cho các nhà quản lý trung ương, địa phương và giới kiến trúc, xây dựng ở Việt Nam.

Trong hệ thống đô thị vùng cao Việt Nam, Buôn Ma Thuột chiếm một vị trí rất nổi bật. Khoảng hai thập niên gần đây, dựa vào các tài nguyên sẵn có, cộng với sự kích thích của các chính sách Đổi mới trong nước và xu hướng toàn cầu hóa, Buôn Ma Thuột đã từng bước vươn lên trở thành đô thị hạt nhân của vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên, các thành tích ấn tượng về tăng trưởng kinh tế và tốc độ đô thị hóa không che dấu được một thực tế khác: Buôn Ma Thuột đang yếu về bản sắc đô thị. Không phải ngẫu nhiên mà trong các bản Quy hoạch và Điều chỉnh quy hoạch đô thị gần đây của thành phố (đã được UBND tỉnh Đắk Lắk và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt), vấn đề xác lập bản sắc đô thị đã được nêu lên như một mục tiêu hàng đầu. Bản sắc đô thị là gì? Bản sắc đô thị của Buôn Ma Thuột đang ở trong tình trạng như thế nào? Bài viết này sẽ lần lượt trả lời những câu hỏi có tính thời sự ấy.

2. Khái niệm bản sắc đô thị

Trước thập niên 1960, vấn đề bản sắc (*Identity*) không được đề cập đến trong lĩnh vực thiết kế đô thị của thế giới - vốn đang chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi chủ nghĩa hiện đại

* Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HN.

(*Modernism*). Chủ nghĩa hiện đại đưa ra các giải pháp không gian mang tính “mô hình hóa”, được xem là lời giải chung, hiệu quả, có thể áp dụng mọi chỗ mọi nơi, bỏ qua hoàn toàn những khác biệt về địa điểm và văn hóa giữa các đô thị. Trong Chủ nghĩa hiện đại, không có khái niệm bản sắc vùng miền và nơi chốn. Quan điểm thuần công năng này trên thực tế đã bộc lộ rất nhiều bất cập, không đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của con người. Trong bối cảnh đó, khoảng đầu những năm 1960, một lĩnh vực nghiên cứu đa ngành về “nhận thức môi trường” (*environmental perception*) đã hình thành và phát triển ở các nước phương Tây, đóng góp cho nhân loại một khối lượng tri thức đáng kể về cách thức và quy luật cảm thụ không gian của con người. Thông qua các công trình nghiên cứu rất có giá trị của Kevin Lynch, Edward Relph, Yi-fu Tuan ..., trong lĩnh vực đô thị học và thiết kế đô thị đã xuất hiện một loạt các thuật ngữ như: “place”, “sense of place”, “spirit of place”, “place’s identity”, “genius loci”, “authentic place” hay các khái niệm đối ngược như “placelessness”, “lost of place”, hay các khái niệm mở rộng như “invented place” (Phạm Thúy Loan, 2015). Các khái niệm này đều có liên quan đến khái niệm trung tâm của bài viết này: bản sắc đô thị.

Theo cách định nghĩa của Edward Relph về bản sắc của một nơi chốn (identity of place), thì bản sắc đô thị là những đặc điểm nội tại, nổi trội và đặc sắc của một đô thị, có thể nhận biết và cảm nhận được bởi số đông, giúp chúng ta phân biệt được đô thị này với những đô thị khác. Mặc dù sự cảm nhận của mỗi người về một nơi chốn thường mang tính chủ quan và có thể khác nhau, nhưng những gì thuộc về bản sắc phải là những điểm chung, được số đông đồng cảm, ghi nhận. Bản sắc của một đô thị được tạo nên bởi ba thành tố quan trọng:

- Môi trường không gian (không gian tự nhiên và không gian kiến trúc);
- Văn hóa của các nhóm hay của cộng đồng sống trong không gian đô thị;
- Ý nghĩa và cảm nhận mà con người gán cho không gian đó. Sự cảm nghiệm càng mạnh mẽ, sâu sắc và càng có sự tương đồng giữa các cá thể khác nhau thì bản sắc của đô thị càng nổi rõ (Edward Relph, 1976).

3. Phương pháp nghiên cứu

Để phục vụ mục tiêu nghiên cứu, bài viết trước hết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, nhất là các nghiên cứu hoặc các đề án quy hoạch xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột được thực hiện trong những năm gần đây. Trong nhóm tài liệu này, tác giả tập trung khai thác thông tin từ hai tài liệu quan trọng: bản *Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột – tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025* do các chuyên gia đến từ Viện Kiến trúc và Quy hoạch Xây dựng (Bộ Xây dựng) và Đại học Quốc gia Singapore đồng thiết kế vào năm 2014 và báo cáo *Nghiên cứu chiến lược phát triển tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột* do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) dự thảo vào năm 2010. Nguồn thông tin thứ cấp được tác giả sử dụng để giới thiệu các vấn đề mang tính tổng quan về thành phố Buôn Ma Thuột. Nhằm đảm bảo tính cập nhật thông tin, trong một số trường hợp, khi sử dụng báo cáo của JICA (ra đời cách đây 8 năm), tác giả có bổ sung các thông tin thực địa để so sánh, đối chiếu.

Bên cạnh phương pháp nghiên cứu tài liệu, bài viết còn dựa vào nguồn thông tin thực địa do tác giả tiến hành thu thập ở Buôn Ma Thuột trong khoảng thời gian từ 2010 - 2016. Trong thời gian thực địa, tác giả tập trung nghiên cứu ba buôn Ê Đê với nhiều nét tương đồng và dị biệt về vị trí địa lý, cơ cấu dân số, cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu tôn giáo và mức sống (xem bảng 1).

Bảng 1. Khái quát về các điểm nghiên cứu thực địa

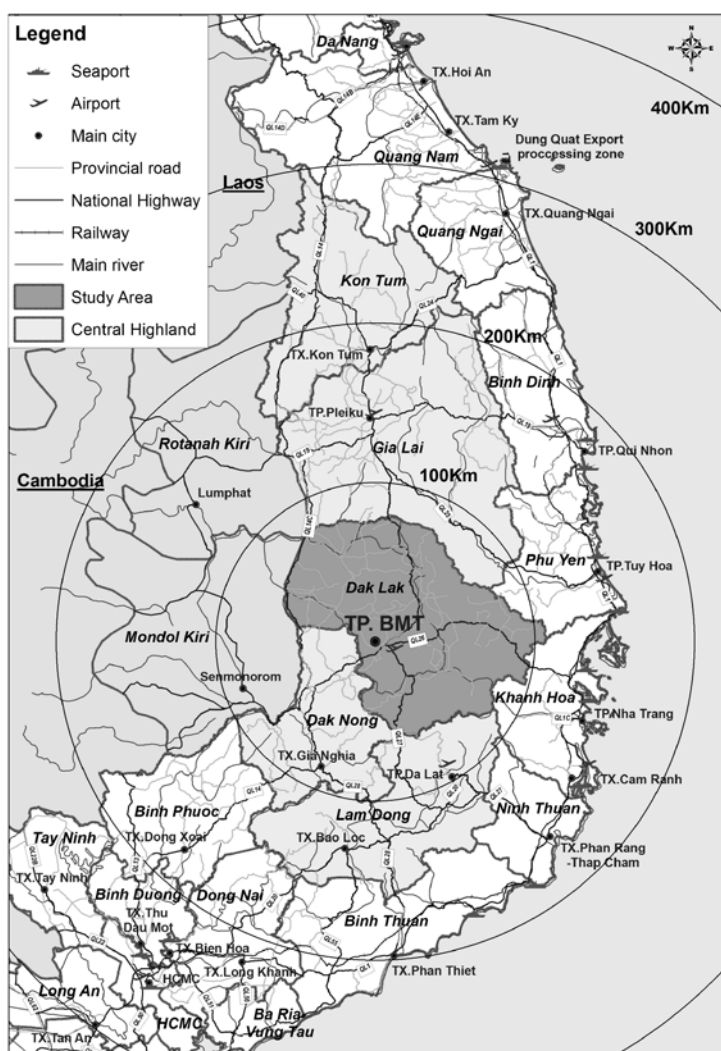
Thông số	Tên buôn		
	ALê A	Ako Dông	Ea Bông
Vị trí	- Phường Ea Tam - - Vùng trung tâm	- Phường Tân Lợi -Vùng cận trung tâm	- Xã Cư Êbur - Vùng ngoại ô
Dân số	- Tổng: 347 hộ, 1396 khẩu - Ê Đê: 169 hộ, 656 khẩu	-Tổng: 258 hộ, 1342 khẩu - Ê Đê: 217 hộ, 1.163 khẩu	- Tổng: 152 hộ, 700 khẩu - Ê Đê: 62 hộ, 287 khẩu
Diện tích	23,9 ha		
Sinh kế	Công chức nhà nước, làm nông nghiệp kết hợp buôn bán và làm thuê công nhật	Làm nông nghiệp kết hợp kinh doanh và cung cấp dịch vụ (sinh hoạt công chiêng, đồ lưu niệm, ăn uống)	Làm nông nghiệp kết hợp làm thuê công nhật
Tôn giáo	27,89% Thiên chúa giáo; 32,77% Tin Lành; 39,34% các tôn giáo khác (Phật giáo) và tín ngưỡng truyền thống	100% Thiên chúa giáo	25,36% TCG; 11,17% Tin Lành; 63,47% tín ngưỡng truyền thống
Tỷ lệ hộ nghèo	4,5%	0%	1,75%

4. Buôn Ma Thuột: lịch sử, vị trí địa lý và các nguồn lực tự nhiên – nhân văn

Buôn Ma Thuột (hay Ban Mê Thuột) là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Đắk Lắk và là thành phố lớn nhất của vùng Tây Nguyên. Trước đây Đắk Lắk thuộc các tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Ngày 22/11/1904, người Pháp thành lập tỉnh Đắk Lắk, thành phố Buôn Ma Thuột được chọn làm trung tâm hành chính của tỉnh. Tên gọi Buôn Ma Thuột có nguồn gốc từ tiếng Ê Đê: Buôn Ama Y Thuột - gọi tắt là Buôn Ma Thuột, có nghĩa là làng của cha Thuột, tên của vị tù trưởng có công lập ra buôn làng đầu tiên bên bờ suối Êa Tam (nằm ở trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột ngày nay), rồi từ đó hình thành nên các buôn làng xung quanh, phát triển thành thành phố Buôn Ma Thuột ngày hôm nay. Ban đầu cư dân thành phố Buôn Ma Thuột chủ yếu là người Ê Đê, nhưng do phong trào di cư sau 1975 (di dân do Nhà nước tổ chức và di dân tự do), hiện nay phần lớn cư dân ở Buôn Ma Thuột là người Kinh (chiếm trên 80%).

Nằm trên cao nguyên Đắk Lắk phía Tây dãy Trường Sơn, thành phố Buôn Ma Thuột

có vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk và là trung tâm cho toàn bộ khu vực Tây Nguyên. Phía Bắc thành phố giáp huyện Cư M'gar, phía Nam giáp huyện Krông Ana, phía Tây giáp các huyện Buôn Đôn và Cư Jut, phía Đông giáp huyện Krông Pắc. Đây là đô thị loại I duy nhất của tỉnh Đắk Lắk, các đô thị còn lại là loại IV và loại V. Thành phố là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của tỉnh cũng như của cả khu vực Tây Nguyên. Thành phố Buôn Ma Thuột về địa lý cũng là trung tâm của Tây Nguyên và là cầu nối với các tỉnh ven biển phía nam (xem hình 1). Trong bán kính 300 km, thành phố có thể nối tới các trung tâm cấp vùng như Kon Tum (bằng Quốc lộ (QL) 26 – QL 14), Pleiku (QL 26 – QL 14), Quảng Ngãi (QL 26 – QL 14 – QL 24), Quy Nhơn (QL 26 – QL 14 – QL 19), Tuy Hòa (QL 26 – QL 26), Nha Trang (QL 27 – QL 1C) và Đà Lạt (QL 27). Các đô thị của Campuchia, như Lumphat và Senmonorom cũng chỉ nằm trong phạm vi 100-150 km.



Hình 1. Vị trí của BMT trong tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu của tập đoàn JICA, 2010.

Buôn Ma Thuột hội tụ nhiều nguồn lực thuận lợi cho phát triển. Được bao quanh bởi một cao nguyên đất Bazan màu mỡ, thành phố có đặc điểm địa hình lượn sóng, dốc thoải, cao độ trung bình toàn thành phố khoảng +450,0 m. Theo đánh giá của các chuyên gia đến từ Bộ Xây dựng (Việt Nam) và Đại học Singapore, địa hình tự nhiên của thành phố khá thuận lợi cho việc phát triển đô thị về phía Đông Bắc và phía Tây Nam với quỹ đất đồng bằng rộng lớn (nguồn: Bộ Xây dựng và Trường Đại học Quốc gia Singapore, 2014). Về khí hậu, thành phố Buôn Ma Thuột vừa chịu chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa mang tính chất của khí hậu cao nguyên - trong năm có hai mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

Ngoài đoạn sông Sêrêpôk chảy qua phía Tây thành phố (khoảng 23 km) và mạng lưới suối nhỏ thuộc lưu vực sông Sêrêpôk, nguồn nước ngầm của Buôn Ma Thuột tương đối dồi dào - mặc dù mực nước đang có xu hướng sụt xuống vào mùa khô trước những áp lực phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Về tài nguyên đất, thành phần chính là các loại đất bazan, trong đó, chiếm tỷ lệ chính là nhóm đất nâu đỏ trên đá mẹ bazan (Fk), ước chiếm khoảng trên 70% tổng diện tích hiện tại của thành phố. Nhóm đất này phân bố hầu hết trên địa bàn, rất màu mỡ, phù hợp cho phát triển nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây công nghiệp như cà phê, cao su, hồ tiêu và các loại cây trồng khác. Diện tích rừng của Buôn Ma Thuột trước 2007 có 1.077 ha, đến năm 2010 giảm xuống còn lại 813,13 ha, chiếm 2,2 % tổng diện tích tự nhiên của thành phố. Hiện có hai loại rừng là rừng tự nhiên và rừng trồng. Rừng tự nhiên giảm rất mạnh so với trước đây, diện tích chỉ còn 29,04 ha, còn lại là rừng trồng (Bộ Xây dựng và Trường Đại học Quốc gia Singapore, 2014).

Hiện nay, dân số của Buôn Ma Thuột là 360.018 người với khoảng 40 tộc người. Ngoài người Kinh là dân tộc đa số, người Ê Đê là nhóm đông nhất trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại đây (chiếm 11,21%). Sự hiện hữu của cộng đồng Ê Đê và các nhóm dân tộc thiểu số với những nét độc đáo về không gian sinh tồn và thực hành văn hóa thực sự là một tài nguyên nhân văn quan trọng của thành phố Buôn Ma Thuột, đặc biệt là trong bối cảnh không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại.

5. Quá trình đô thị hóa và bản sắc đô thị của thành phố Buôn Ma Thuột

5.1. *Quá trình đô thị hóa ở Buôn Ma Thuột*

Nằm ở vị trí trung tâm của Đăk Lăk và Tây Nguyên, lại có thế mạnh đặc biệt về vị thế chính trị, kinh tế và văn hóa, ngay từ đầu thế kỷ XX, Buôn Ma Thuột đã được người Pháp chú trọng đầu tư. Từ thập niên 1930 đến nửa đầu thập niên 1970, dưới chế độ Pháp thuộc và Việt Nam Cộng hòa, Buôn Ma Thuột là thị xã đầu não của cao nguyên miền Thượng. Sau 1975, trong bối cảnh thống nhất và đổi mới đất nước, Buôn Ma Thuột đã trải qua một quá trình chuyển đổi ấn tượng. Với chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, trong thời kỳ Đổi mới, Trung ương và chính quyền địa phương đã có nhiều động thái để phát triển đô thị Buôn Ma Thuột cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Năm 1995, thị xã Buôn Ma Thuột được nâng cấp lên quy mô thành phố. Mười năm sau, năm 2005, Buôn Ma Thuột gia nhập

vào nhóm đô thị loại II. Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định công nhận thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị loại I do tỉnh Đắk Lắk trực tiếp quản lý. Theo dự kiến, đến năm 2020, Buôn Ma Thuột sẽ trở thành đô thị trực thuộc Trung ương, cũng là đô thị trung tâm của vùng Tây Nguyên. Hiện nay, về tổ chức hành chính, thành phố Buôn Ma Thuột có 8 xã, 13 phường, gồm 247 thôn, buôn, tổ dân phố (72 thôn, 142 tổ dân phố, 33 buôn). Kết quả phân định 3 khu vực của thành phố Buôn Ma Thuột theo quyết định số 03/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 13/01/2009 như sau:

- Khu trung tâm, gồm các phường: Tân Tiến, Thắng Lợi, Thống Nhất, Thành Công, Tân Lợi, Tự An, Tân Lập, Tân Thành.
- Khu cận trung tâm, gồm các phường: Khánh Xuân, Tân Hòa, Thành Nhất, Ea Tam, Tân An.
- Khu ven nội, gồm các phường, xã: Cư Êbur, Hòa Thắng, Hòa Khánh, Hòa Thuận, Ea Tu, Ea Kao, Hòa Phú, Hòa Xuân.

Là thành phố năng động nhất của vùng Tây Nguyên, trong hai thập niên gần đây, Buôn Ma Thuột đã thu được những tiến bộ đáng kể về tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Theo số liệu của UBND Thành phố Buôn Ma Thuột, giai đoạn 2001 - 2008, mức tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm của thành phố đạt 14,86%. Giai đoạn 2010 - 2015, thành phố Buôn Ma Thuột tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá - đạt 12,41%, cao hơn nhiều so với mức bình quân của tỉnh. Song song với mức tăng trưởng cao, nền kinh tế của thành phố cũng chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Theo số liệu mới nhất của chính quyền thành phố Buôn Ma Thuột, năm 2015, trong cơ cấu kinh tế, tỷ trọng nông - lâm nghiệp và thủy sản chiếm 5,62%, công nghiệp - xây dựng chiếm 41,49%, dịch vụ chiếm 52,89%. Các thành tựu kinh tế của thành phố đã thúc đẩy những tiến bộ trong lĩnh vực văn hóa, xã hội. Về cơ sở hạ tầng, Buôn Ma Thuột đã hoàn thành nhiều công trình trọng điểm, góp phần làm thay đổi bộ mặt thành phố: Cảng hàng không Buôn Ma Thuột, Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Đại học Tây Nguyên, Trường Cao đẳng nghề thanh niên dân tộc Tây Nguyên, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên. Ngoài ra, các hệ thống đường quốc lộ, tỉnh lộ qua địa bàn thành phố; hệ thống đường nội thị, đường trục chính thôn - buôn, hệ thống điện chiếu sáng đều được xây dựng theo hướng hiện đại; hệ thống trường học, chợ, trung tâm thương mại, siêu thị và nhiều công trình xã hội hóa khác cũng lần lượt ra đời. Hiện nay, Buôn Ma Thuột đã nhựa hóa 100% các trục đường giao thông liên thôn và các trục giao thông nội thôn - buôn, 100% đường phố chính và 80% đường hẻm đã được chiếu sáng, 90% hộ gia đình khu vực nội thành và 22,8% hộ gia đình khu vực ngoại thành được sử dụng nước sạch, tỷ lệ sử dụng điện thoại đạt mức 124 máy/100 dân. Về giáo dục, trên địa bàn thành phố, đã có 21/21 xã, phường hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Bình quân cứ 2,5 người thì có 1 người đi học. Toàn thành phố có 59 trường được công nhận chuẩn quốc gia. Bên cạnh đó, công tác giảm nghèo đạt kết quả tốt: tỷ lệ hộ giảm nghèo trung bình/năm trong giai đoạn 2010 - 2015 là 1,2% và tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 giảm xuống còn 0,9% (Thành ủy Buôn Ma Thuột, 2015).

5.2. *Diện mạo đô thị Buôn Ma Thuột: nhìn từ góc độ bản sắc đô thị*

Áp dụng quan niệm của Edward Relph về bản sắc đô thị, tác giả sẽ thử đánh giá hiện trạng bản sắc của thành phố Buôn Ma Thuột từ ba phương diện:

- Môi trường không gian (không gian tự nhiên và không gian kiến trúc);
- Văn hóa của các nhóm hay của cộng đồng sống trong không gian đô thị;
- Ý nghĩa và cảm nhận mà con người gán cho không gian đó.

Để thực hiện việc đánh giá này, người viết sẽ sử dụng kết quả nghiên cứu của các dự thảo quy hoạch thành phố do các tổ chức quốc tế và trong nước thực hiện, kết hợp với các quan sát thực địa của tác giả trong khoảng 5 năm trở lại đây.

Về không gian tự nhiên, quá trình đô thị hóa ở Buôn Ma Thuột đã phá vỡ hệ sinh thái truyền thống của vùng đất này. Hiện nay, Buôn Ma Thuột không còn diện tích rừng cần bảo vệ (rừng quốc gia, khu bảo tồn). Diện tích rừng suy giảm đã ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh thái, dòng chảy và gây rủi ro về thiên tai. Nguồn nước của thành phố vừa bị ô nhiễm nặng do rác thải dân sinh và công nghiệp vừa có xu hướng tụt sâu vào mùa khô, làm gia tăng tình trạng hạn hán. Theo kết quả nghiên cứu gần đây của Đặng Hoàng Giang, trong vòng 10 năm qua, hạn hán thực sự là một vấn nạn của người nông dân Ê Đê ở Buôn Ma Thuột. Việc mở rộng diện tích cà phê đã làm gia tăng nhu cầu nước tưới cho loại cây này - nhất là vào mùa khô. Tuy nhiên, nhu cầu tưới quá lớn đã làm khô kiệt các vùng nước mặt và làm cho mực nước ngầm bị hạ thấp trông thấy. Ea M'đhar là một suối lớn trong vùng nhưng chỉ đủ cung cấp nước tưới từ tháng 2 đến tháng 3, sang tháng 4 thì không còn nước nữa. Muốn có nước tưới, người dân phải đào giếng ngay tại rẫy với độ sâu trên 70 m (Đặng Hoàng Giang, 2016, tr. 66).

Một vấn đề khác của Buôn Ma Thuột là tình trạng ô nhiễm không khí, nguồn nước và ô nhiễm đất. Không chỉ ô nhiễm, do áp lực thâm canh nông nghiệp, đất sản xuất ở Buôn Ma Thuột còn đối diện với tình trạng bạc màu. Trên khu vực sản xuất của người Ê Đê, khác với phương thức luân canh luân khoảnh, trong hình thức thâm canh hiện nay, với lịch canh tác dày đặc, đất không có bất kì khoảng nghỉ nào để phục hồi chất dinh dưỡng. Trên đất rẫy, ngoài cà phê với tư cách là cây trồng chủ lực, đất còn phải nuôi các loài rau củ (cải, bầu, bí), cây ăn quả (sầu riêng, măng cầu, bơ, chôm chôm, dứa xiêm) và cỏ sữa (để nuôi bò). Việc sử dụng thuốc trừ sâu chỉ có tác dụng nhất thời và hoàn toàn bất lợi nếu xét trong dài hạn. Vì thuốc trừ sâu sẽ góp phần tiêu diệt thảm thực vật trên bề mặt (có tác dụng ngăn ngừa hiện tượng rửa trôi đất trong mùa mưa) và các loài sinh vật trong đất (có tác dụng duy trì chất dinh dưỡng cho đất) (Đặng Hoàng Giang, 2016, tr. 65). Bảng 2 cho thấy sự đánh giá của người dân Buôn Ma Thuột về mức độ nghiêm trọng của các vấn đề môi trường:

Bảng 2. Đánh giá của người dân Buôn Ma Thuột về các vấn đề môi trường

TT	Phường/xã	Ô nhiễm nước ngầm	Ô nhiễm nước mặt	Xâm nhập mặn	Ô nhiễm đất	CTR	Ô nhiễm không khí	Chặt phá rừng	Xói mòn	Sạt lở đất	Hoang mạc hóa	Ngập lụt	Bão
1	Tân Lập	2	3	1	^	2	2	1	1	1	1	3	1
2	Tân Hòa	4	2	1	2	2	3	4	2	2	1	2	1
3	Tân An	2	2	1	1	2	2	1	1	1	1	1	1
4	Thống Nhất	1	1	1	1	1	3	1	1	1	1	1	3
5	Thành Nhất	2	4	1	1	3	1	1	1	1	1	1	3
6	Thắng Lợi	1	1	1	3	1	3	4	2	3	1	1	1
7	Tân Lợi	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8	Thành Công	4	1	1	2	3	1	1	3	1	1	1	1
9	Tân Thành	3	3	1	3	3	3	4	3	3	1	2	3
10	Tân Tiến	3	2	1	2	2	3	1	1	2	1	1	2
11	Tự An	4	2	1	3	2	4	2	3	3	1	3	3
12	Ea Tam	2	1	1	1	3	2	1	1	1	1	2	2
13	Khánh Xuân	5	4	1	4	5	5	2	2	2	1	2	1
14	Hòa Thuận	3	1	1	1	4	1	3	1	1	1	1	3
15	Cư Êbur	3	4	1	1	3	1	4	2	1	1	1	1
16	Ea Tu	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
17	Hòa Thắng	2	3	1	1	1	1	2	2	2	1	1	3
18	Ea Kao	4	3	1	1	1	1	3	3	1	1	1	3
19	Hòa Phú	2	3	1	1	1	3	1	2	1	1	3	1
20	Hòa Khánh	3	3	1	1	1	3	1	1	1	1	1	1
21	Hòa Xuân	3	1	1	2	2	2	1	3	1	1	1	3
Tổng		2,76	2,29	1,05	1,75	2,19	2,29	2,00	1,86	1,57	1,10	1,57	1,95

Nguồn: Kết quả khảo sát của JICA, 2010

Chú thích: 1: Không có vấn đề, 2: Không nghiêm trọng, 3: Mới phát sinh, 4: Vấn đề nghiêm trọng, 5: Rất nghiêm trọng

Theo bảng 2, vấn đề chặt phá rừng trở nên nghiêm trọng ở các xã Tân Hòa, Thắng Lợi, Tân Thành, Cư Êbur; trong khi ô nhiễm nước mặt là vấn đề đáng quan ngại ở các phường Thành Nhất, Khánh Xuân, Cư Êbur; còn ở Tân Hòa, Thành Công, Tự An, Khánh Xuân, Ea Kao, ô nhiễm nước ngầm lại là vấn đề đáng báo động.

Bảng 3 nói lên mức độ không hài lòng của người dân thành phố về môi trường sống.

Bảng 3. *Đánh giá của người dân về môi trường sống của thành phố*

TT	Phường/xã	Ngập lụt	Chất lượng không khí	Sự thanh bình	Điều kiện vệ sinh	Cảnh quan	Không gian xanh
1	Tân Lập	25,9	34,2	38,8	46,5	31,5	30,6
2	Tân Hòa	17,6	14,2	14,2	13,8	23,0	25,9
3	Tân An	21,2	26,6	6,9	20,5	10,8	10,4
4	Thống Nhất	27,6	30,6	32,8	27,6	11,2	11,2
5	Thành Nhất	5,0	6,5	9,2	39,8	33,6	34,1
6	Thắng Lợi	4,9	8,8	20,9	8,8	1,1	2,2
7	Tân Lợi	11,2	13,4	11,5	24,4	5,8	4,4
8	Thành Công	7,3	10,8	14,0	12,4	10,8	17,8
9	Tân Thành	18,4	5,5	3,8	12,8	5,8	9,0
10	Tân Tiến	1,2	2,8	4,4	17,7	5,2	6,5
11	Tự An	1,9	5,5	8,0	13,5	3,7	5,8
12	Ea Tam	21,6	26,2	36,0	21,8	13,6	16,9
13	Khánh Xuân	8,4	51,6	29,1	54,4	31,1	41,6
14	Hòa Thuận	0,8	2,4	2,4	20,2	31,6	24,5
15	Cư Êbur	17,2	43,7	28,4	56,3	30,0	28,2
16	Ea Tu	12,1	20,5	12,1	20,1	17,8	16,5
17	Hòa Thắng	2,0	5,4	5,4	19,8	9,1	9,4
18	Ea Kao	24,3	11,1	1,4	30,7	1,8	1,1
19	Hòa Phú	5,1	23,9	3,7	16,3	33,3	42,5
20	Hòa Khánh	12,7	33,4	23,4	32,8	9,2	10,4
21	Hòa Xuân	0,7	67,6	80,7	76,6	2,8	4,1
Tổng		12,3	21,8	18,1	28,3	16,7	18,6

Nguồn: Điều tra Phỏng vấn hộ gia đình của tổ chức JICA, năm 2010

Mặc dù người dân ở các phường có quan điểm khác nhau nhưng có thể thấy, ở vùng trung tâm, người dân đang tỏ ra lo lắng do chất lượng không khí và điều kiện vệ sinh chưa được đảm bảo. Người dân ở nhiều địa bàn trong thành phố cũng cảm thấy không hài lòng về sự thanh bình của nơi chốn mà họ đang sống. Để đánh giá và so sánh với kết quả nghiên

cứu của JICA (được thực hiện từ năm 2010), tác giả đã đến các phường/xã mang tính điểm nóng về ô nhiễm môi trường (phường Ea Tam, phường Thắng Lợi, xã Cư Êbur, Tân Lập, Tân An) để phỏng vấn sâu người dân. Các cuộc phỏng vấn sâu cho thấy, sau hơn 5 năm, nhờ việc nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch và đường giao thông, điều kiện vệ sinh của thành phố đã được cải thiện đáng kể nhưng chất lượng không khí, nguy cơ ngập lụt và sự thanh bình đang trở nên xấu đi. Ở buôn Ako Dhom, nơi được xem là “đáng sống” nhất của thành phố, kể từ năm 2010 đến nay, mức độ thanh bình suy giảm rõ rệt. Với làn sóng người Kinh nhập cư vào buôn không ngừng tăng lên và với sự nở rộ của các dịch vụ giải trí do người Ê Đê và người Kinh cung cấp (khách sạn, nhà hàng, quán cà phê, khu du lịch sinh thái), người dân trong buôn phải tiếp xúc nhiều hơn với tiếng ồn, khói bụi và rác thải. Năm 2010, rất nhiều hộ gia đình ở đây vẫn không phải khóa cửa vào ban đêm. Nhưng chỉ vài năm sau, trước tình trạng trộm cắp ngày một nhiều, các hộ gia đình đều khóa cửa cẩn thận vào tất cả các thời điểm trong ngày. Một trung niên ở Ako Dhom cho biết:

“Tôi sinh ra và lớn lên ở Ako Dhom. Buôn chúng tôi trước giờ bình yên lắm, giống như tách biệt với bên ngoài. Nhà nào cũng có khuôn viên và mọi người đều có ý thức chăm sóc khuôn viên như trồng hoa, chơi cây cảnh. Buôn lại có rừng và thung lũng nên càng yên tĩnh. Buổi chiều mọi người thường đi bộ, chạy thể dục dưới thung lũng; còn buổi tối và buổi sáng thì thường đi bộ dọc các đường trong buôn. Cuộc sống ở đây diễn ra chậm, thoải mái. Buổi tối nhiều nhà không khóa cửa vì ít khi có chuyện mất cắp. Nhưng từ 2014 trở lại đây thì người Kinh vào đây mua đất, làm nhà và dân số của buôn tăng vọt lên. Số lượng xe máy nhiều lên. Các cửa hàng giải trí cũng nhiều lên. Bây giờ nhà tôi phải khóa cửa vì đã có nhiều nhà bị mất trộm. Nhiều khi, tôi tỉnh dậy giữa đêm vì tiếng xe rú ngoài đường” (Phỏng vấn sâu Ama H'min, 10/1/2015).

Về không gian nhân tạo, hiện nay, Buôn Ma Thuột đã có những thành tựu kiến trúc nhất định. Bên cạnh những công trình kiến trúc truyền thống, các di tích lịch sử được bảo tồn tôn tạo như tòa Giám mục, dinh Bảo Đại. Gần đây, đã xuất hiện những công trình kiến trúc có xu hướng kết hợp giữa kiến trúc truyền thống của người Ê Đê và kiến trúc hiện đại, góp phần tạo điểm nhấn cho cảnh quan thành phố: nhà thi đấu thể thao tỉnh Đắk Lắk, bảo tàng tỉnh Đắk Lắk, sân bay quốc tế Buôn Ma Thuột, trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Đắk Lắk, trụ sở của Sở Xây dựng, toà soạn báo Đắk Lắk, trụ sở liên cơ quan Đảng uỷ khối cơ quan và doanh nghiệp, trụ sở công ty 2/9, trường trung học phổ thông Buôn Ma Thuột, trường dạy nghề thanh niên dân tộc, các trường PTDT Nội trú, trung tâm tin học ngoại ngữ tỉnh, một số nhà thờ Thiên Chúa giáo,...

Bên cạnh các điểm sáng vừa nêu, bất cập lớn nhất trong không gian kiến trúc của thành phố là thiếu tính hài hòa, tính đặc trưng và tính đa dạng. Một mặt, do không theo quy hoạch trước đó, thiết kế đô thị vẫn mang nặng tính tự phát, gián tiếp phá vỡ cảnh quan đô thị, làm giảm giá trị của các công trình kiến trúc cần được bảo tồn. Theo đồ án quy hoạch xây dựng thành phố năm 1998, hướng phát triển của đô thị tập trung vào phía Bắc và Đông - Bắc, khu vực phía Nam và Đông - Nam gần như chưa được tính đến. Tuy nhiên, sau 20 năm, Buôn

Ma Thuật đã và đang phát triển vượt ra khỏi định hướng phát triển đô thị theo hướng Bắc tại phường Tân An và xã Ea Tu. Ngoài ra, việc phát triển và xây dựng của người dân đô thị nhanh hơn việc quy hoạch đã làm cho hình ảnh và cấu trúc đô thị bị thay đổi, ảnh hưởng tới định hướng phát triển đô thị sau này. Các khu đô thị mới được quy hoạch bài bản và có hình thức kiến trúc hiện đại nhưng phần lớn có kiến trúc tương tự với các đô thị hiện tại trong cả nước. Ở vùng ngoại ô, các công trình kiến trúc được xây dựng tự phát, hình thức kiến trúc pha tạp, không phù hợp, hạ tầng kỹ thuật thiếu đồng bộ.

Mặt khác, sự xuất hiện ồ ạt của các loại hình kiến trúc mới đã phá vỡ cảnh quan buôn làng truyền thống của người Ê Đê trên địa bàn. Đây là hệ quả trực tiếp của một hạn chế tồn tại trong đồ án quy hoạch xây dựng thành phố năm 1998: ở thời điểm đó, các nhà thiết kế và quản lý chưa tính đến vấn đề quy hoạch, bảo tồn không gian văn hóa buôn làng của cộng đồng Ê Đê - một chủ thể có vai trò quan trọng trong lịch sử phát triển của vùng đất Buôn Ma Thuật. Kết quả nghiên cứu trường hợp các buôn Alê A, Ea Bông và Ako Dông cho thấy: dưới tác động nhiều chiều của quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa ở Buôn Ma Thuật, không gian văn hóa buôn làng của cộng đồng sở tại đã trải qua một quá trình biến đổi sâu sắc. Khởi đi với những thay đổi về chế độ sở hữu, quản lý - sử dụng đất và văn hóa sản xuất, lần lượt loại hình gia đình, phong cách kiến trúc, cơ cấu dân tộc ở các buôn làng đều thay đổi. Đồng thời, các không gian sinh hoạt cộng đồng và không gian sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống cũng dần biến mất khỏi sân khấu sinh hoạt cộng đồng, nhường chỗ cho các không gian mới với những chức năng mới. Trong bối cảnh đó, không gian truyền thống của hầu hết các buôn Ê Đê trên địa bàn thành phố đã bị hòa tan vào vòng xoáy đô thị hóa, kéo theo nhiều hệ quả văn hóa vừa căn bản vừa lâu dài. Trước hết, hệ thống lễ hội truyền thống cùng các loại hình nghệ thuật song hành (nghệ thuật điêu khắc nhà mồ và nhà sàn, nghệ thuật diễn xướng như đánh cồng chiêng, kể khan, hát ei rei, thổi kèn), hệ thống tri thức dân gian truyền thống của người Ê Đê bị suy tàn và ngày càng rời xa sinh hoạt đương đại. Đây là những biểu hiện cụ thể, sống động của cái gọi là “suy giảm vốn văn hóa tộc người” vẫn được giới khoa học và giới truyền thông báo động trong thời gian gần đây. Điều đáng lưu ý là sự gián đoạn, suy tàn của các thực hành văn hóa truyền thống đã mở ra một không gian lí tưởng cho hiện tượng “cải đạo” xuất hiện và bùng phát trong các cộng đồng Ê Đê ở Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk và Tây Nguyên.

Bảng 4: Cơ cấu nhà ở tại các điểm điều tra

Loại hình nhà ở	Buôn Alê A		Buôn Ea Bông		Buôn Ako Dông	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Nhà sàn	2	0,57%	26	10,07%	23	12,92%
Nhà ván	9	2,6%	7	2,71%	1	0,56%
Nhà tầng	10	2,9%	221	85,67%	33	18,53%
Nhà xây cấp bốn	326	93,93%	4	1,55%	131	67,99%
Tổng số	347	100%	258	100%	178	100%

Nguồn: Số liệu điều tra thực địa năm 2015 của tác giả

Số liệu từ bảng 4 cho thấy, nhà sàn – loại hình kiến trúc truyền thống của người Ê Đê tại các buôn – đang trở nên lạc lõng giữa một không gian kiến trúc đã được bê tông hóa theo phong cách của người Kinh. Khi rừng không còn, bến nước cộng đồng bị ô nhiễm và nhà sàn bị xuống cấp, hỏng nát thì các sinh hoạt văn hóa truyền thống mất không gian thực hành, tất yếu rồi bỏ cuộc sống đương đại.

Bảng 5: *Thực trạng sinh hoạt văn hóa truyền thống ở buôn Alê A*

Mức độ \ Hoạt động	Đánh cồng chiêng	Hát ei rei	Kể khan	Uống rượu cần
Diễn ra thường xuyên	0%	0%	0%	0%
Thỉnh thoảng	0%	0%	0%	100%
Lâu rồi không diễn ra	100%	100%	100%	0%

Nguồn: Số liệu điều tra bảng hỏi của tác giả năm 2015

Như chúng ta đã biết, các sinh hoạt được liệt kê trong bảng 5 là những thực hành văn hóa hết sức quen thuộc trong kho tàng văn hóa phi vật thể truyền thống của người Ê Đê. Từ khi chào đời cho đến khi trở về với cát bụi, gắn liền với vô số lễ hội và sự kiện lớn nhỏ ở cấp độ gia đình và cộng đồng, bất cứ người Ê Đê nào cũng được tắm mình trong môi trường diễn xướng đặc biệt với âm nhạc cồng chiêng, các làn điệu ei rei, các đêm kể khan bên bếp lửa ở căn phòng chung (*gah*) và thưởng thức hương vị rượu cần. Theo Tô Ngọc Thanh, đối với người Tây Nguyên, các hoạt động văn hóa - văn nghệ là những hoạt động thường ngày, tự nhiên và cần thiết như cơm ăn, nước uống. Con người Tây Nguyên không thể hình dung một cuộc sống thiếu vắng những sinh hoạt văn hóa - văn nghệ đó (Tô Ngọc Thanh, 2004, tr.199). Tuy nhiên, ở Alê A hiện nay, các sinh hoạt truyền thống đã hầu như mất dấu. Chúng chỉ còn tồn tại trong ký ức của người già khi họ hồi tưởng về quá khứ. Mặc dù người Alê A vẫn còn sử dụng rượu cần trong một số thời điểm quan trọng nhưng, đúng như những người trong cuộc thừa nhận, việc đặt ché rượu cần trong căn phòng khách của nhà xây và uống rượu cần mà thiếu âm thanh giục giã của dàn chiêng Ê Đê thì ý nghĩa tinh thần của sinh hoạt này coi như đã giảm mất ý vị. Vì hương vị của rượu cần chỉ được cảm nhận trọn vẹn trong không gian nhà sàn. Đối với sinh hoạt cồng chiêng, người Alê A chỉ có thể trải nghiệm trong nhà thờ Mẫu Tâm hoặc ở các buôn khác (Ea Bông, Ako Đông, Ko Sier) vào những sự kiện quan trọng (lễ Giáng sinh, Phục sinh, đám tang, lễ bỏ mả).

Có thể nói, thiếu không gian thực hành (nhà sàn, bến nước) là lí do cơ bản dẫn đến sự gián đoạn của các sinh hoạt văn hóa truyền thống ở buôn Alê A. Mặt khác, bao giờ cũng vậy, các sinh hoạt đặc trưng, nhất là các sinh hoạt mang tính trình diễn, chỉ có thể thực hành khi có những con người cụ thể - những người mà ngôn ngữ báo chí ngày nay vẫn gọi là “nghệ nhân”. Trên phương diện con người, buôn Alê A cũng hoàn toàn khan hiếm. Trong số những người đang sống ở Alê A, không ai biết hát ei rei, kể khan, hát kút (dân ca Ê Đê), thổi khèn đing năm và chơi cồng chiêng. Dĩ nhiên, cũng không thể tìm ra người biết sử dụng lời nói vần (*klei duê*) để phân xử các xung đột trong buôn theo tinh thần hòa giải.

Về cái gọi là “**cảm nhận của người dân đối với thành phố sinh sống**”, có nhiều cách để đo lường khía cạnh tương đối mơ hồ này. Đối với cư dân từ nơi khác đến, một trong những thước đo đầu tiên để đánh giá “cảm nghiệm” của họ đối với Buôn Ma Thuột là số lượng khách du lịch đến thành phố trong các năm gần đây. Theo báo cáo nghiên cứu của JICA, những năm gần đây, lượng du khách đến Buôn Ma Thuột đã tăng đáng kể, nhất là khách du lịch nước ngoài, với nhịp độ tăng 16%/năm. Lượng du khách lưu trú cũng tăng theo. Tuy nhiên, số ngày lưu trú trung bình vẫn dưới 2 ngày, có nghĩa rằng du khách chỉ ở Buôn Ma Thuột 1-2 đêm và thậm chí đang có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Xu hướng này cũng đang diễn ra trên toàn tỉnh Đắk Lắk. Đắk Lắk đứng sau các tỉnh Gia Lai và Lâm Đồng về cả lượng khách đến và số ngày lưu trú - số ngày lưu trú của Gia Lai gần gấp 2 lần và của Lâm Đồng cao hơn 4 lần so với Đắk Lắk. Bên cạnh đó, lượng chi tiêu của du khách vẫn còn ở mức rất khiêm tốn. Du khách quốc tế chi tiêu trung bình 346 USD/người, chủ yếu dành cho tiền ở, mua hàng và ăn uống. Lượng chi tiêu của du khách nội địa vẫn còn rất thấp, trung bình 30 USD/người. Doanh thu của ngành du lịch năm 2010 chỉ chiếm khoảng 6% tổng GDP của ngành dịch vụ (JICA, 2010) . Tỷ lệ này trong các năm gần đây lần lượt là 5,93% (2013), 6,17% (2014), 7,70% (2015) và 8,0% (2016) (Chi cục Thống kê thành phố Buôn Ma Thuột, 2017).

Bảng 6. Một số thông tin về khách du lịch ở Buôn Ma Thuột

		BMT				Tây Nguyên (2010)				
		2005	2007	2010	Tăng trưởng (05–10, %)	Đắk Lắk	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Nông	Lâm Đồng
Lượng du khách đến	Người Việt Nam	180.509	211.631	372.387	15,6	431.778	-	626.297	-	-
	Người nước ngoài	14.540	20.800	32.474	17,4	28.556	-	31.950	-	-
	Tổng	195.049	232.431	404.861	15,7	460.334	-	658.247	-	-
Lượng du khách lưu trú	Người Việt Nam	164.196	203.200	356.616	16,8	359.876	-	604.807	-	1.938.100
	Người nước ngoài	10.940	13.811	26.597	19,4	24.121	-	29.680	-	83.800
	Tổng	175.136	217.011	383.213	17	383.997	-	634.487	-	1.625.800
Số ngày lưu trú (ngày)	Người Việt Nam	248.122	290.100	449.536	12,6	546.569	-	712.000	-	3.946.433
	Người nước ngoài	16.356	19.200	35.468	16,7	34.257	-	51.583	-	156.861
	Tổng	264.478	309.300	485.004	12,9	580.826	-	763.583	-	4.103.294
Số ngày lưu trú bình quân (ngày)	Người Việt Nam	1,5	1,4	1,3	-3,4	1,5	-	1,2	-	2
	Người nước ngoài	1,5	1,4	1,3	-2,3	1,4	-	1,7	-	1,9
	Tổng	1,5	1,4	1,3	-3,3	1,5	-	1,2	-	2,5

Nguồn: JICA, 2010.

Một thước đo khác để đánh giá sức hút của Buôn Ma Thuột là khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Tổng đầu tư phát triển tăng mạnh trong những năm trở lại đây, bình quân hàng năm 43,4%. Tuy nhiên, điều đáng ngạc nhiên là trong giai đoạn 2005 – 2010, ở Buôn Ma Thuột không có đầu tư trực tiếp nước ngoài, chủ yếu đầu tư hộ gia đình chiếm tới 76% tổng đầu tư. Mặc dù các dự án đầu tư này góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế nhưng việc dựa chủ yếu vào các khoản đầu tư hộ gia đình và nội địa sẽ hạn chế cơ hội tăng trưởng của thành phố (JICA 2010). Thực tế này cũng chỉ ra rằng, trong con mắt của nhà đầu tư bên ngoài, sức hấp dẫn của Buôn Ma Thuột còn hạn chế.

Chỉ số tiếp theo mà tác giả sử dụng để đánh giá sức hút của Buôn Ma Thuột là tình hình dịch cư của thành phố. Theo nghiên cứu của JICA, mặc dù dân số của thành phố nhìn chung đang tăng nhưng người dân trong tỉnh đang có xu hướng chuyển đến các trung tâm vùng khác sinh sống. Theo điều tra xã/phường, tổng số người chuyển đi lên tới 25.000 trong giai đoạn 1995 – 2005, và trên 32.000 người trong giai đoạn 2005 – 2009. Có thể thấy lượng người chuyển đi giai đoạn 2005 - 2009 gấp 1,3 lần giai đoạn 1995 - 2005 (chưa kể đến thời gian giai đoạn sau còn chưa bằng nửa giai đoạn đầu), nên có thể nói rằng xuất cư đang là vấn đề bức xúc của thành phố. Trong giai đoạn 1995 - 2005, lượng xuất cư sang vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là lớn nhất, chiếm 24% tổng số. Trong giai đoạn 2005-2009, đích tới lại là cả vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và kinh tế trọng điểm miền Trung, cả hai đều có tỷ trọng 22% (giai đoạn 1995-2005, vùng KTTĐMT chỉ chiếm 15%). Cho dù nằm gần vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hơn nhiều so với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, nhưng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chỉ chiếm 19% trong giai đoạn 1995 - 2005 và thậm chí giảm xuống 11% trong giai đoạn 2005 - 2009. Về mặt địa lý, thành phố gần vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nhất nên sự tăng xuất cư tới khu vực này thể hiện sự tăng trưởng kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, đi đầu là Đà Nẵng. Xu hướng xuất cư đã ảnh hưởng đến tốc độ gia tăng dân số của thành phố. Tới năm 2009, tỷ lệ sinh trên địa bàn thành phố chỉ còn 1,51%, tỷ lệ tử 0,43%, nên tỷ lệ tăng tự nhiên là 1,08% - tuy nhiên tăng trưởng dân số chung chỉ là 1,2%. Sự tăng trưởng chậm này là do xuất cư (JICA, 2010).

Bảng 7. Tình hình dịch cư của thành phố Buôn Ma Thuột

Xã/ phường		1995 - 2005				Tăng/ giảm thực	2005 - 2009				Tăng/ giảm thực
		Dịch cư trong BMT		Dịch cư ngoài BMT			Dịch cư trong BMT		Dịch cư ngoài BMT		
Tối	Từ	Tối	Từ	Tối	Từ	Tối	Từ				
1	Tân Lập	300	400	1.085	2.632	-1.647	500	2.300	1.610	2.001	-2.191
2	Tân Hòa	0	0	30	20	10	0	0	70	0	70
3	Tân An	102	0	692	161	633	80	0	702	205	577
4	Thống Nhất	30	50	69	188	-139	20	38	45	153	-126

5	Thành Nhất	0	0	236	1.231	-995	0	0	423	904	-481
6	Thắng Lợi	0	515	125	500	-890	0	217	129	402	-490
7	Tân Lợi	180	1.415	1.356	375	-254	280	1.350	2.177	515	592
8	Thành Công	56	739	3.219	4.406	-1.870	2.314	1.253	4.361	11.174	-5.752
9	Tân Thành	216	186	484	299	215	198	152	318	383	-19
10	Tân Tiến	500	500	1.000	1.550	-550	700	300	1.100	2.550	-1.050
11	Tự An	8	4	34	57	-19	12	8	42	47	-1
12	Ea Tam	170	0	912	59	1.023	150	0	1.939	128	1.961
13	Khánh Xuân	100	190	228	1.160	-1.022	120	650	477	1.720	-1.773
14	Hòa Thuận	0	0	148	124	24	0	0	180	102	78
15	Cư Ebur	120	140	60	64	-24	140	145	75	70	0
16	Ea Tu	25	27	281	227	52	35	38	380	208	169
17	Hòa Thắng	0	0	148	450	-302	0	0	290	570	-280
18	Ea Kao	40	60	84	190	-126	35	41	65	149	-90
19	Hòa Phú	0	0	249	5.361	-5.112	0	0	1.171	3.286	-2.115
20	Hòa Khánh	37	61	94	43	27	49	59	75	86	-21
21	Hòa Xuân	0	0	0	2.154	-2.154	0	0	31	920	-889
Tổng		1.884	4.287	10.534	21.251	-13.120	4.633	6.551	15.660	25.573	-11.831

Nguồn: JICA, 2010.

Chỉ số cuối cùng được tác giả sử dụng là cảm nghiệm của người dân sở tại về thành phố/buôn làng mà họ đang sống. Một người Kinh đã sinh sống ở Buôn Ma Thuột từ trước 1975 và hiện là công dân của buôn Ako Dhom cho biết:

“Hồi bé, tôi đã nghe bố bảo rằng Buôn Mê Thuột có một nghĩa là “món quà trời cho con người” vì mọi thứ ở đây đều thuận lợi: đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa, nguồn nước thoải mái, làm ăn dễ dàng ... Mặc dù bây giờ thành phố rộng hơn và khang trang hơn nhưng tôi vẫn thích Buôn Mê Thuột của ngày xưa hơn. Buôn Mê ngày đó nhỏ nhưng dễ thương. Bây giờ không có cái hồn của ngày đó (Phỏng vấn sâu chú Bảo, ngày 12/1/2015).

Trong khi đó, một phụ nữ Ê Đê đã sống ở buôn Alê A trên 40 năm chia sẻ ấn tượng của bà về những thay đổi của buôn như thế này:

“Bây giờ người lạ vào buôn Lê A thì chắc chắn không biết đây là một buôn Ê Đê vì trông nó không khác gì một buôn của người Kinh cả. Mọi thứ thay đổi quá nhanh. Lắm lúc cô cũng buồn vì trong buôn giờ chẳng còn dấu vết gì của quá khứ cả. Nhà sàn dài hồng hết rồi, chỉ còn một, hai cái thôi. Rừng cây hết rồi. Trước 1975, dọc con suối toàn là tre và các loại cây rừng nên mới được gọi là buôn Alê A đấy chứ vì Lê có nghĩa là tre. Bến nước cũ cái thì bị ô nhiễm không dùng được, cái thì bị chủ quán cà phê chiếm. Bây giờ cô muốn giới thiệu với mấy đứa cháu văn hóa Ê Đê cũng rất khó vì thiếu cái để nói cháu ạ” (Phòng văn sâu Amĩ Ngum, ngày 15/1/2015).

Nếu hai người vừa nêu sống ở hiện tại nhưng tâm hướng về quá khứ thì ý kiến thứ ba của một người Ako Dhom lại đưa ra một cách nhìn mang tính gợi ý giải pháp:

“Ako Dhom tất nhiên vẫn còn đẹp. Không chỉ người trong buôn mà người các buôn khác và người Kinh cũng yêu nó. Vì thế người Kinh họ mới kéo về đây nhiều như thế. Nhưng nếu chỉ người dân tự làm với nhau thì rất khó duy trì không gian của buôn. Nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ người dân mà việc cần nhất hiện nay là cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu rừng cho buôn. Nhà nước cũng nên hỗ trợ gỗ để dân tu bổ các nhà sàn. Còn nếu Nhà nước bỏ mặc thì Ako Dhom sẽ như các buôn khác” (Phòng văn sâu Ama Pi, ngày 9/1/2015).

Như vậy, nếu nhìn trên ba phương diện của bản sắc đô thị (môi trường không gian, văn hóa của cộng đồng sở tại và cảm nghiệm của con người về nơi chốn), có thể thấy, Buôn Ma Thuột đang thiếu một bản sắc đủ mạnh. Với thành phố cao nguyên này, kiến tạo một bản sắc tốt đồng nghĩa với khai thác hiệu quả vị thế và các nguồn lực nội tại của nó.

KẾT LUẬN

Ngày nay, bản sắc đô thị đã trở thành một vấn đề mang tính thời sự trên nhiều diễn đàn trong nước và quốc tế. Là cái tạo nên sự khác biệt giữa các đô thị với nhau, bản sắc đô thị đóng vai trò như một “sức mạnh mềm”, góp phần tạo nên sức hút và động lực tăng trưởng cho các đô thị trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra song song với tiến trình địa phương hóa các giá trị toàn cầu.

Thành phố Buôn Ma Thuột có một lịch sử và một nền tảng tự nhiên - nhân văn rất độc đáo. Mặc dù đã đạt nhiều thành tựu quan trọng về tốc độ đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế - những tiền đề để Buôn Ma Thuột ngày càng có một vị thế quan trọng hơn trong bối cảnh Tây Nguyên và cả nước, nhưng nếu nhìn từ góc độ bản sắc đô thị theo cách hiểu của Edward Relph, Buôn Ma Thuột chưa định hình được một bản sắc thực sự nổi trội. Hạn chế này tất yếu ảnh hưởng đến sức hút đầu tư, sức hút du lịch và sức hút nhân lực của thành phố - như đã được đề cập trong bài viết. Vì vậy, xác định các giá trị cốt lõi để từng bước định hình nên một bản sắc riêng nên trở thành một trong những mục tiêu hàng đầu của Buôn Ma Thuột trong thời gian tới.

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Xây dựng và Trường Đại học Quốc gia Singapore (2014). *Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột – tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025*. Văn phòng UBND TP Buôn Ma Thuột cung cấp.
2. Chi cục Thống kê thành phố Buôn Ma Thuột (2017). *Hệ thống niên giám thống kê 2016*. Buôn Ma Thuột.
3. Đặng Hoàng Giang (2018), *Biến đổi không gian văn hóa buôn làng Ê Đê ở Buôn Ma Thuột từ sau 1975 đến nay*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Hoàng Bá Thịnh (2016). *Đô thị hóa và phát triển vùng Tây Nguyên*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Lương Thy Cân (2014). *Chuyển biến kinh tế - xã hội thành phố Buôn Ma Thuột từ năm 1975 đến năm 2010*. Thư viện Quốc gia Việt Nam. LATS Lịch sử. (62220313).
6. JICA. (2010). *Nghiên cứu chiến lược phát triển tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột*. UBND TP Buôn Ma Thuột cung cấp.
7. Nguyễn Hồng Hà (2007). *Bảo tồn và phát huy giá trị buôn làng truyền thống trong quá trình phát triển các đô thị ở Tây Nguyên*. Thư viện Quốc gia Việt Nam. Luận án tiến sĩ kiến trúc. (21705).
8. Phạm Thành Thôi. (2013). “Bối cảnh đô thị hóa – vấn đề nghiên cứu nhân học ở Việt Nam”. *Tạp chí KHXH*, 4 (176): 57-63.
9. Phạm Thúy Loan (2015). Câu chuyện bản sắc trong thiết kế đô thị. *Tạp chí Kiến trúc Việt Nam* số 1+2/2015. Nguồn: <http://vienkientrucquocgia.gov.vn/cau-chuyen-ban-sac-trong-thiet-ke-do-thi/>
10. Relph, E. C. (1976). *Place and placelessness*, London: Pion.
11. Thành ủy Buôn Ma Thuột. (2015). *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, đoàn kết; phấn đấu xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên* (Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015-2020). Buôn Ma Thuột.
12. Tô Ngọc Thanh (2004). *Giữ gìn phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các tộc người Tây Nguyên*, in trong Nhiều tác giả. (2004). *Vùng văn hóa công chiêng Tây Nguyên*. Hà Nội: Viện Văn hóa - Thông tin.
13. Ủy ban nhân dân xã Cư Ebur - TP Buôn Ma Thuột. *Báo cáo cuối năm của xã Cư Ebur (giai đoạn 2008 – 2014)*. Văn phòng UBND xã Cư Ebur cung cấp.
14. Ủy ban nhân dân phường Ea Tam - TP Buôn Ma Thuột. *Báo cáo cuối năm của phường Ea Tam (giai đoạn 2008 – 2014)*. Văn phòng UBND phường Ea Tam cung cấp.
15. Ủy ban nhân dân phường Tân Lợi - TP Buôn Ma Thuột. *Báo cáo cuối năm của phường Tân Lợi (giai đoạn 2008 – 2014)*. Văn phòng UBND phường Tân Lợi cung cấp.
16. Viện Tư vấn Phát triển (2014). *Hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên*. Hà Nội: NXB Tri Thức.
17. Worldbank (2006). *Chiến lược phát triển đô thị: đối mặt với những thách thức về đô thị hóa nhanh chóng và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường*. Nguồn: worldbank.org
18. Worldbank (2011). *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam (báo cáo hỗ trợ kỹ thuật)*. Nguồn: worldbank.org